

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2021/DS-PT

Ngày: 04-3- 2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Hoàng Khải.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Vân.

Bà Nguyễn Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Anh Lê Văn Giang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Từ Thị Kỳ- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 02 và ngày 04 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 555/2020/TLPT-DS ngày 25 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2020/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 681/2020/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 65/2021/QĐ-PT ngày 26 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thị T, sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã M1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Hồ Tuấn K, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã M1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã M1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3. Hồ Thanh T, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã M1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

4. Hồ Như M, sinh năm 1995 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã M1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang;

Địa chỉ: ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tấn H, chức vụ: Chi cục trưởng (xin vắng mặt);

2. Trần Văn Đ, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn Trần Thị T trình bày:*

Ngày 12/8/2013, ông Hồ Tuấn K và bà Nguyễn Thị Bé H vay của bà số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn vay 02 tháng. Đến hạn trả nợ, ông K và bà H không trả số tiền gốc, nhưng có trả được 03 tháng tiền lãi. Do không có khả năng trả nợ nên ông K, bà H cùng 02 con là Hồ Thanh T và Hồ Như M cam kết đến tháng 3/2014 trả nợ. Để đảm bảo thực hiện cam kết trả nợ, ngày 02/12/2013 các bên ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất tại Văn phòng công chứng Msố L, Phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Theo hợp đồng, ông K, bà H, anh Tú, chị M thế chấp cho bà quyền sử dụng thửa đất số 402, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.000m² tại ấp Mỹ Thạnh, xã M1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ H02530 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Bé H ngày 13/07/2007 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ đối với khoản vay 300.000.000 đồng mà bà đã cho bên A gồm ông K, bà H, anh T và chị M vay, thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày 02/12/2013. Ông K, bà H, anh T và chị M đã giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà giữ và giao đất cho bà quản lý, sử dụng. Tuy nhiên do điều kiện canh tác khó khăn nên đã bỏ hoang. Đến hạn trả nợ, nhưng họ không thực hiện như đã cam kết. Tháng 4/2016, do cần vốn làm ăn, bà vay của ông Trần Văn Đ số tiền 100.000.000 đồng và giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ “H”02530 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 13/07/2007 cho ông Đ quản lý.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hồ Tuấn K, bà Nguyễn Thị Bé H, anh Hồ Thanh T, chị Hồ Như M phải trả cho bà số tiền 532.875.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 300.000.000 đồng, số tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ thời điểm 02/12/2013 đến thời điểm khởi kiện tháng 9/2019 là 232.875.000 đồng ($300.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng} \times 69 \text{ tháng}$). Bà yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng đã ký kết để thu hồi nợ trong trường hợp ông K, bà H, anh T và chị M không thực hiện việc trả nợ.

** Bị đơn Hồ Tuấn K, Nguyễn Thị Bé H, Hồ Thanh T và Hồ Như M; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang, Trần Văn Đ đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ nhưng không có ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

- Bản án sơ thẩm số: 46/2020/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang căn cứ Điều 26, Điều 47, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 317, Điều 323, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

- Buộc ông Hồ Tuấn K, bà Nguyễn Thị Bé H, anh Hồ Thanh T, chị Hồ Như M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị T số tiền 532.875.000 đồng.

Kể từ ngày bà Trần Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Hồ Tuấn K, bà Nguyễn Thị Bé H, anh Hồ Thanh T, chị Hồ Như M chậm trả nợ thì hàng tháng còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Trường hợp ông Hồ Tuấn K, bà Nguyễn Thị Bé H, anh Hồ Thanh T, chị Hồ Như M không thực hiện trả nợ, bà Trần Thị T được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự bán đấu giá tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng ngày 02/12/2013 để thu hồi nợ.

- Buộc ông Trần Văn Đ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ “H”02530 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 13/7/2007 cho bà Trần Thị T giữ và bảo quản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng ngày 02/12/2013.

* Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 08/10/2020, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 46/2020/DSST ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang, yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nội dung bà Tho yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng đã ký kết để thu hồi nợ trong trường hợp ông Hồ

Tuấn K, bà Nguyễn Thị Bé H, anh Hồ Thanh T, Hồ Như M không thực hiện việc trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C có kháng cáo nhưng xin vắng mặt và có ý kiến bằng văn bản giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn về nội dung yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Chị Trần Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ người tham gia tố tụng đúng luật định, riêng ông Trần Văn Đ chưa chấp hành quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận xét:

Án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn trả vốn và lãi cho nguyên đơn nếu không thực hiện thì phát mãi tài sản thế chấp thi hành án cho nguyên đơn là có căn cứ đúng pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C. Tuy nhiên về tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn là 14.210.000đồng án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng tiền tạm ứng án phí không được xử lý trong bản án là thiếu sót đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm tuyên xử trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Xét thấy:

[1] Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C đã thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự thủ tục được quy định tại các Điều 271, 272, 273 và khoản 2 Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử tiến hành xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn Hồ Tuấn K, Nguyễn Thị Bé H, Hồ Thanh T, Hồ Như M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không lý do; Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tòa sơ thẩm xác định “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền và phạm vi giải quyết được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, 280, 288, 298, 323, 357, 463, 466, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Nội dung tranh chấp: Ngày 12/8/2013, ông K và bà Bé Hai có vay chị Tho 300.000.000 đồng, vay 02 tháng. Đến hạn không trả nên ông K và bà H cùng hai con là anh Tú, chị M cam kết tháng 3/2014 trả nợ và ngày 02/12/2013 các bên có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 402, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.000m² tại ấp Mỹ Thạnh, xã M1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ H02530 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Bé H ngày 13/07/2007 để đảm bảo số tiền vay 300.000.000 đồng. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng theo quy định. Từ ngày vay đến nay ông K, bà H, anh Tú, chị M không trả vốn và lãi nên chị Tho khởi kiện yêu cầu ông K, bà H, anh Tú, chị M thanh toán vốn gốc 300.000.000 đồng và lãi 232.875.000 đồng. Trường hợp phía bị đơn không thanh toán thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Về tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chị Tho đã nhận thì sau đó chị đã đem thế chấp cho anh Trần Văn Đ để vay 100.000.000 đồng. Hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phía bị đơn thế chấp cho chị Tho vẫn do Trần Văn Đ giữ.

Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tho buộc các bị đơn liên đới trả số tiền nợ như chị Tho yêu cầu và được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự bán đấu giá tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng ngày 02/12/2013 để thu hồi nợ, buộc ông Đ trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Tho bảo quản. Nguyên đơn, bị đơn và ông Đ không kháng cáo. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu sửa một phần quyết định án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho chị Tho theo hợp đồng thế chấp.

[4] Bản án chỉ bị kháng cáo đối với phần yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, các phần khác của bản án tuy không bị kháng cáo, kháng nghị nhưng có những sai sót không đúng quy định của pháp luật nên phải xem xét chỉnh sửa cho phù hợp đúng luật định.

[5] Xét kháng cáo của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[5.1] Xét hợp đồng vay tài sản và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn với bị đơn diễn ra vào ngày 12/8/2013 và 02/12/2013. Vào thời điểm này Bộ luật Dân sự năm 2015 chưa có hiệu lực thi hành nên theo Điều 688 của Bộ luật Dân sự quy định, thì tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất trong vụ án này phải áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết. Theo Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định việc thế chấp quyền sử dụng đất là giao dịch bảo đảm phải thực hiện theo quy định tại Điều 323 Bộ luật Dân sự 2005 và nghĩa vụ của bên thế chấp quyền sử dụng đất phải “Làm thủ tục đăng ký việc thế chấp” theo khoản 2 Điều 217 Bộ luật Dân sự. Đồng thời tại khoản 1 Điều 719 của Bộ luật Dân sự năm 2005 cũng quy định. Nghĩa vụ của bên nhận thế chấp quyền sử dụng đất phải “cùng với bên thế chấp đăng ký việc thế chấp”. Quy định này cũng được quy định tại Điều

298 và khoản 4 Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015 nhưng đến nay hai bên giao kết hợp đồng chưa thực hiện đúng quy định trên.

Xét thấy: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 02/12/2013 giữa Nguyễn Thị Bé H, Hồ Tuấn K, Hồ Thanh T, Hồ Như M với Trần Thị T mặc dù đã được công chứng nhưng chưa thực hiện việc đăng ký thế chấp tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên chưa làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia theo luật định. Do tài sản thế chấp chưa thực hiện việc đăng ký nên Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C tiến hành thủ tục kê biên xử lý thi hành bản án số 13/2014/DSST và số 14/2014/DSST cùng ngày 12/8/2014 của Tòa án nhân dân thị xã C là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu kháng cáo của Chi cục Thi hành án thị xã C là có cơ sở được chấp nhận.

[5.2] Mặt khác, án sơ thẩm buộc ông Trần Văn Đ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02530 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 13/7/2007 cho hộ Trần Thị Bé Hai để chị Tho giữ, bảo quản theo hợp đồng thế chấp ngày 02/12/2013 là vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự. Bởi theo khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định là: “Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện đơn yêu cầu đó”. Nhưng trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ai yêu cầu giải quyết việc ông Đ giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên vậy mà Tòa sơ thẩm lại buộc anh Đức trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Bé Hai cho chị Tho giữ là trái với quy định trên nên cần sửa án phần nội dung này. Nếu các đương sự có tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[5.3] Về tiền tạm ứng án phí: Chị Trần Thị T đã nộp theo biên lai thu số 0000270 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C là 14.210.000 đồng (bút lục 24) nhưng quá trình giải quyết Tòa sơ thẩm không xử lý số tiền tạm ứng án phí nói trên là thiếu sót. Mặt khác Tòa sơ thẩm buộc các bị đơn phải chịu 29.315.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là trái với khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án vì theo quy định trên thì tiền án phí dân sự sơ thẩm các bị đơn phải chịu là 25.315.000 đồng nên phải sửa án khắc phục các thiếu sót trên.

[5.4] Ngoài ra, án sơ thẩm còn mắc phải một số sai sót:

Ngày 27/7/2020, Chánh án Tòa án nhân dân thị xã C ra quyết định số 44/2020/QĐ.TA phân công Lý Thị Bé Nthầm phán và Phạm Thị Phương Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C tỉnh Tiền Giang giải quyết vụ án thụ lý số 239/2019/TLST-DS ngày 05/12/2019 (bút lục 96). Đồng thời cùng ngày 27/7/2020 Thẩm phán giải quyết vụ án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/QĐXXST.DS thì ghi Hội thẩm nhân dân là Lý Thị Bé N và Phạm

Thị P (bút lục 97). Đây cũng là sự nhầm lẫn trong quyết định phân công Hội thẩm nhân dân.

Về biên bản phiên tòa ghi bắt đầu lúc 08 giờ 00 phút và kết thúc lúc 10 giờ 40 phút cùng ngày 04/9/2020, nhưng biên bản nghị án ghi bắt đầu lúc 15 giờ 30 phút và kết thúc lúc 16 giờ 00 phút cùng ngày 04/9/2020 (bút lục 118 và 127). Những thiếu sót trên tuy không làm thay đổi tính chất vụ án, nhưng bộc lộ sự hạn chế chất lượng bản án cần rút kinh nghiệm.

[5.5] Căn cứ vào các quy định của pháp luật đã chứng minh và phân tích, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Sửa một phần quyết định án sơ thẩm số 46/2020/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

[6] Về án phí: Các bị đơn phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326. Chi cục Thi hành án dân sự không chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có một phần phù hợp với nội dung nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 270, Điều 293, khoản 2, khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 46/2020/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 147, 148, 227, 228 và Điều 688 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 217, Điều 323, Điều 471, khoản 1 Điều 719 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Điều 166, 280, 288, 298, khoản 4 Điều 323, 463, 466 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 167, khoản 2 Điều 170, điểm g khoản 1 Điều 174 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T. Buộc Hồ Tuấn K, Nguyễn Thị Bé H, Hồ Tuấn Tú, Hồ Như M có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Trần Thị T 300.000.000 đồng tiền vốn và 232.875.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 532.875.000 đồng.

Kể từ ngày chị Tho có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị đơn Kiệt, Hai, Tú, Muội chậm thi hành án thì hàng tháng phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền thời gian chậm thi hành án.

2/ Không chấp nhận một phần yêu cầu của chị Trần Thị T về việc xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02530 (Do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 13/7/2007 cho hộ Nguyễn Thị Bé H) được công chứng ngày 02/12/2013 giữa Hồ Tuấn K, Nguyễn Thị Bé H, Hồ Tuấn Tú, Hồ Như M để thu hồi nợ cho chị Tho.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Về án phí:

3.1 Hồ Tuấn K, Nguyễn Thị Bé H, Hồ Tuấn Tú, Hồ Như M cùng chịu 25.315.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2 Trả lại chị Trần Thị T 14.210.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000270 ngày 14/12/2019 và trả lại cho Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000923 ngày 09/10/2020 đều của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 20 phút ngày 04/3/2021.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Hoàng Khải